TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-PT
Ngày 04 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Phạm Thị Thúy Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Lê Hữu Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số:165/2022/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Hữu Đ, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1983 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu T (đã chết), con bà Lê Thị V1; có vợ là Nguyễn Thị Kiều L (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, "có mặt".

Bị hại:

- Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang.

Người Đ diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thị trấn T1, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. "có mặt".

- Bà Khổng Thị V2, sinh năm 1975, "Vắng mặt".

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2016, Lê Hữu Đ đang là giáo viên dạy lái xe ô tô tại trường Trung cấp nghề số 11 - Bộ Quốc phòng thuộc xã Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây, Đ có quen biết với anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1997, HKTT: Thị trấn T1, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (do anh N là học viên lái xe của Đ). Quá trình học lái xe, anh N có nói cho Đ biết anh N có bạn gái là chị Phạm Thị Kiều M, sinh năm 1995, HKTT: Thôn A, xã T, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang đã tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang nhưng chưa xin được việc làm. Anh N hỏi và nhờ Đ nếu quen biết ai thì xin việc cho My được biên chế viên chức giáo viên tại tỉnh Vĩnh Phúc. Bản thân Đ không có chức năng, nhiệm vụ gì về việc tuyển dụng biên chế viên chức giáo viên tại tỉnh Vĩnh Phúc, không quen biết ai có khả năng giúp chị M được biên chế, nhưng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của gia đình chị M. Đ tự đưa ra thông tin gian dối là mình có người quen trong ngành giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc và có khả năng giúp đỡ chị M được biên chế viên chức giáo viên tại tỉnh Vĩnh Phúc. Đ trao đổi với anh N sẽ xin cho chị M làm giáo viên dạy hợp đồng trước rồi sẽ thi biên chế sau, anh N tin tưởng và đồng ý. Đ tìm hiểu thì biết được các trường tiểu học ở huyện L2 tuyển giáo viên dạy hợp đồng ngắn hạn và nộp hồ sơ đăng ký xin làm giáo viên dạy hợp đồng tại huyện L2 cho chị M. Ngày 26/8/2016, Phòng Giáo dục huyện L2 có quyết định về việc hợp đồng lao động năm học 2016-2017 đối với Phạm Thị Kiều M làm giáo viên hợp đồng tại Trường Tiểu học Z, huyện L2.

Sau khi có được sự tin tưởng từ anh N và chị M, Đ yêu cầu Nhất phải chuẩn bị khoảng 100.000.000đ tiền chi phí xin biên chế viên chức giáo viên cho chị M. Anh N trao đổi nội dung trên với chị M, chị M trao đổi nội dung trên với ông Phạm Văn L1 và bà Khổng Thị V2 là bố, mẹ đẻ chị M biết và chuẩn bị tiền. Do có mong muốn con gái mình được biên chế nhà nước nên vợ chồng ông L1 đã gặp gỡ, nhờ Đ giúp đỡ cho chị M được biên chế viên chức giáo viên. Đ cam kết và hứa hẹn với ông L1 và bà V2 là sẽ giúp được chị M thi đỗ biên chế viên chức giáo viên tại huyện L2, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 14/9/2016, Đ yêu cầu ông L1 và bà V2 đưa trước cho Đ số tiền 50.000.000đ để đi lo việc xin biên chế cho chị M. Vì tin tưởng Đ nên cùng ngày ông L1 và bà V2 đến địa chỉ mà Đ đang ở là: Số 03, ngõ 12, đường L4, phường Đ2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và giao cho Đ số tiền mặt là 50.000.000đ. Khi nhận tiền Đ có viết Giấy biên nhận tiền. Ngày 09/10/2016, ông bà Lệ, Vân tiếp tục giao cho Đ số tiền 45.000.000đ còn lại, khi

nhận tiền Đ viết xác nhận đã nhận tiền vào Giấy biên nhận tiền đã viết ngày 14/9/2016. Tổng số tiền Đ nhận của ông L1 và bà V2 là 95.000.000đ. Sau khi nhận được số tiền trên, Đ đã một mình tiêu xài cá nhân hết. Đến cuối năm 2016, chị M, anh N biết được năm 2017, UBND tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức tuyển dụng giáo viên tiểu học và giáo viên mầm non bằng hình thức thi tuyển nên đã trao đổi với Đ để nhờ Đ giúp đỡ M thi trúng tuyển tại kỳ thi này. Để che giấu hành vi phạm tội của bản thân, Đ trao đổi với chị M đi nộp hồ sơ đăng ký thi tuyển theo quy định, đi thi bình thường và Đ đã nhờ người giúp đỡ, chị M chắc chắn trúng tuyển và được biên chế viên chức giáo viên. Nhưng thực tế sau khi nhận được số tiền 95.000.000đ Đ tiêu xài cá nhân hết, không sử dụng để giúp đỡ chị M thi trúng tuyển. Kết quả sau kỳ thi tuyển, chị M không trúng tuyển do điểm thi không đạt. Sau đó ông L1 và bà V2 đã nhiều lần đến gặp, yêu cầu Đ trả lại tiền. Ngày 18/10/2017, Đ viết Giấy hẹn nội dung sẽ trả lại số tiền trên cho ông L1 và bà V2 nhưng do đã tiêu xài hết số tiền trên nên Đ đã không trả được.

Ngày 15/01/2022, ông L1 đến Cơ quan CSĐT – Công an thành phố V trình báo sự việc bị Lê Hữu Đ lừa đảo chiếm đoạt số tiền 95.000.000đ.

Ngày 10/01/2022, ông L1 đã cung cấp cho Cơ quan CSĐT – Công an thành phố V 01 Giấy biên nhận tiền, 01 Giấy hẹn để phục vụ điều tra.

Tại Cơ quan CSĐT- Công an thành phố V, Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Quá trình xác minh tại Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc xác định: Năm 2017, UBND tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức tuyển dụng giáo viên bằng hình thức thi tuyển. Thí sinh Phạm Thị Kiều M, sinh ngày 20/11/1995, HKTT: Thôn A, xã T, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang có nộp hồ sơ đăng ký thi tuyển viên chức tại Phòng Nội vụ - UBND huyện L2 và có đến thi tuyển. Kết quả điểm thi của Phạm Thị Kiều M không trúng tuyển.

Ngày 13/4/2022, Cơ quan CSĐT- Công an thành phố V ra Quyết định trưng cầu giám định số: 217 gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu là chữ viết, chữ ký trên Giấy biên nhận và Giấy hẹn do ông Phạm Văn L1 cung cấp có phải chữ ký, chữ viết của Lê Hữu Đ hay không. Ngày 23/5/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Kết luận giám định số 1440, nội dung: Chữ viết, chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu: A1, A2) so với chữ viết, chữ ký của Lê Hữu Đ trên các mẫu so sánh (ký hiệu: M1, M2 và M3) là do cùng một người viết và ký ra.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Đ đã khắc phục một phần hậu quả, trả cho ông L1 và bà V2 số tiền 38.000.000đ, còn lại số tiền 57.000.000đ Đ vẫn chưa trả được.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 165/2022/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu Đ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/12/2022 bị cáo Đ có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo sửa đổi nội dung kháng cáo: Xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo đã khắc phục trả thêm cho bị hại được số tiền 22.000.000đ, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi mẹ già.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, sửa bản án sơ thẩm số 165/2022/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo Đ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét giải quyết.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan, của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ xác định:

Khoảng tháng 9 năm 2016, tại phường Đ2, thành phố V, Lê Hữu Đ là giáo viên dạy lái xe ô tô, mặc dù không có chức năng, quyền hạn gì trong kỳ thi tuyển viên chức của ngành giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc năm 2017 nhưng Đ vẫn đưa ra các thông tin gian dối và hứa hẹn sẽ giúp chị Phạm Thị Kiều M trúng tuyển kỳ thi tuyển của ngành giáo dục năm 2017 để chiếm đoạt số tiền 95.000.000đ của ông Phạm Văn L1 và bà Khổng Thị V2 (là bố, mẹ của chị M). Số tiền trên Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

[3]. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của Lê Hữu Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu, sau khi phạm tội tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo trình bày trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã trả thêm cho bị hại được số tiền 22.000.000đ để khắc phục hậu quả (Đ diện bị hại anh N xác nhận việc, sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo trả thêm được 22.000.000đ là đúng); ngoài ra bị cáo trình bày hoàn cảnh khó khăn đang phải nuôi mẹ già và bà nội. Do đó, căn cứ vào tính chất, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Hữu Đ để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật theo chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hữu Đ là có căn cứ.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hữu Đ, Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2022/HSST ngày 30/11/2022 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Hữu Đ không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng HS - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND Tp Vĩnh Yên;
- TAND Tp Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS Tp Vĩnh Yên;
- Bị cáo;
- Lưu HS, Toà HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng